

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ ĐỒN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỈNH BẮC KẠN

Bản án số: 03/2017/DS-ST

Ngày: 31-5-2017

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Doanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Triệu Quốc Việt

2. Ông Nguyễn Ngọc Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Du - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tập - Kiểm sát viên.

Ngày 31/5/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2017/TLST-DS ngày 15 tháng 02 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2017/QĐXX-ST ngày 15/5/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng CS - Địa chỉ: CC5, bán đảo L, quận H, Thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lương Thị Kim D; chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng CS huyện C, tỉnh Bắc Kạn (theo Giấy ủy quyền lại số 103/UQ-NHCS ngày 10/4/2017 của Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng CS huyện C, tỉnh Bắc Kạn).

2. Bị đơn: Ông Lý Văn B, địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hoàng Thị N, địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Ông Lý Văn B - Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (theo Giấy ủy quyền lập ngày 07/4/2017)

4. *Người làm chứng:* Bà Ma Thị B - Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. (Bà D, ông B, bà B có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 12 năm 2016, lời khai của người đại diện trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là Ngân hàng CS yêu cầu ông Lý Văn B, địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn phải trả số tiền nợ gốc là 38.000.000đ và tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử là 7.097.180đ với các tình tiết như sau:

Ngày 10/9/2010, Phòng giao dịch Ngân hàng CS huyện C, tỉnh Bắc Kạn cho gia đình ông Lý Văn B vay số tiền 8.000.000đ theo Khế ước nhận nợ số 020331NS01; mục đích là để chi phí xây dựng công trình nước sạch, công trình vệ sinh; hình thức vay tín chấp; lãi suất là 0,9%/tháng; lãi quá hạn 1,175/tháng; thời hạn vay là 48 tháng, thời hạn trả là nợ là ngày 10/9/2014. Đến ngày 22/3/2012, Phòng giao dịch Ngân hàng CS huyện C, tỉnh Bắc Kạn cho gia đình ông Lý Văn B vay số tiền 30.000.000đ theo Khế ước nhận nợ số 020331KD01; mục đích là mua trâu sinh sản; hình thức vay tín chấp; lãi suất 0,9%/tháng; lãi quá hạn 1,17%/tháng; thời hạn cho vay là 36 tháng; thời hạn trả nợ là ngày 10/3/2015. Đến kỳ hạn trả nợ của hai món vay, gia đình ông B chưa trả được và có giấy đề nghị gia hạn nợ. Ngân hàng đã kéo dài tổng thời hạn trả với tổng thời gian kéo dài là 42 tháng. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ cuối cùng thì gia đình ông B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Ngày 18/9/2016, Ngân hàng CS đã chuyển toàn bộ số tiền nợ gốc 38.000.000đ sang nợ quá hạn. Sau nhiều lần đôn đốc, lập biên bản nhưng gia đình ông B vẫn không trả nợ.

Kèm theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu chứng cứ sau: Sổ vay vốn; các giấy đề nghị kiêm phương án sử dụng vốn vay lập ngày 07/9/2010 và ngày 14/3/2012; danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn Ngân hàng CS ngày 07/9/2010 và ngày 14/3/2012; Phiếu chi ngày 10/9/2010 và ngày 22/3/2012; Sổ lưu từ rời theo dõi cho vay thu nợ, dư nợ; Giấy đề nghị gia hạn nợ phê duyệt ngày 14/3/2012; Giấy đề nghị gia hạn nợ phê duyệt ngày 06/9/2014; Giấy đề nghị gia hạn nợ phê duyệt ngày 09/3/2015; Giấy đề nghị gia hạn nợ phê duyệt ngày 03/8/2015; Giấy đề nghị gia hạn nợ phê duyệt ngày 17/3/2016; Giấy đề nghị gia hạn nợ phê duyệt ngày 17/6/2016; Biên bản về việc đôn đốc, xử lý

nợ ngày 13/5/2016; Biên bản làm việc ngày 20/9/2016; Bảng kê tính lãi đến ngày khởi kiện; bảng kê thu lãi tiền gửi, thu nợ gốc từ tiền gửi và chi trả hoa hồng các tháng 4, 6, 9, 10/2016 và tháng 02/2017; Phiếu giao dịch tổ của tháng 10/2016 và tháng 12 /2016 kèm theo bảng kê thu lãi, thu tiền gửi, thu nợ gốc từ tiền gửi và chi hoa hồng; Thẻ theo dõi giao dịch tiền vay ngày 18/5/2017.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn là ông Lý Văn B thừa nhận được vay hai món vay đúng như nguyên đơn trình bày. Lý do ông B không trả được nợ gốc đúng hạn là do kinh tế khó khăn, hai con đang đi học, vợ ốm yếu. Đối với tiền lãi thì ông B đã trả đến hết tháng 12/2016. Ông chấp nhận trả hết lãi còn tiền gốc thì đề nghị Ngân hàng gia hạn nợ, đảo nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn giao nộp 04 biên lai thu tiền lãi các tháng 9, 10, 11 và 12/2016.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị N có ý kiến chấp nhận trả tiền nợ gốc cho Ngân hàng CS là 38.000.000đ. Còn tiền nợ lãi thì bà chỉ chấp nhận trả từ tháng 01/2017 vì gia đình bà đã trả lãi đến hết tháng 12/2016.

Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, người làm chứng là bà Ma Thị B trình bày: Bà làm tổ trưởng tổ vay vốn thôn N từ tháng 6 năm 2015 đến nay và tiếp nhận việc thu nợ của hộ ông B cùng thời gian. Bà đã nhiều lần xuống nhà ông B đôn đốc, nhắc nhở gia đình ông B cố gắng trả tiền nợ gốc và nợ lãi nhưng gia đình ông B không hợp tác. Hiện nay, gia đình ông B còn nợ món vay 30.000.000đ và món vay 8.000.000đ. Đối với tiền nợ lãi tồn bao nhiêu thì bà không nắm được. Mỗi lần thu tiền lãi, bà đều đưa biên lai cho ông B.

Tại phiên họp công khai chứng cứ và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn thừa nhận các tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp. Bị đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng thừa nhận các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, thừa nhận số tiền nợ gốc. Riêng đối với tiền lãi, bị đơn cho rằng đến tháng 12/2016 đã trả hết tiền nợ lãi của các món vay nhưng thừa nhận số tiền nợ lãi chưa trả tính đến ngày mở phiên tòa như yêu cầu của nguyên đơn là đúng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng

xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án là đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền Việt Nam đồng) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hợp đồng giữa hai bên được giao kết và thực hiện tại huyện C, tỉnh Bắc Kạn thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng CS huyện C và là nơi cư trú của bị đơn. Do đó, theo quy định tại các điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Lý Văn B phải trả số tiền nợ gốc 38.000.000đ, Hội đồng xét xử nhận thấy trong quá trình lấy lời khai, hòa giải và tại phiên tòa, ông B thừa nhận đã được vay số tiền trên của Ngân hàng CS với nội dung thỏa thuận như nguyên đơn trình bày là đúng và đến nay vẫn chưa trả được nợ gốc. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Như vậy, việc ông B vay của Ngân hàng CS số tiền 38.000.000đ là có thật. Đồng thời tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn cũng không đồng ý gia hạn trả nợ, đảo nợ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu trả tiền nợ gốc của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu trả nợ lãi, Hội đồng xét xử nhận thấy trong các tài liệu do chính bị đơn cung cấp là bốn biên lai thu tiền lãi các tháng 9, 10, 11 và 12 của năm 2016, có biên lai thu tháng 12 lập ngày 18/12/2016 thể hiện nội dung tiền lãi phải trả của món vay 30.000.000đ là 5.166.700đ (bao gồm lãi tồn sang là 4.815.700đ, lãi tháng 12 là 351.000đ); lãi phải trả của món vay 8.000.000đ là 504.720đ (trong đó lãi tồn sang là 411.120đ, lãi tháng 12 là 93.000đ). Tại mục lãi thực thu thể hiện số tiền đã trả là 504.720đ. Đây là tiền lãi của món vay 8.000.000đ. Như vậy, đến ngày 18/12/2016, ông B mới chỉ trả hết nợ lãi của món vay 8.000.000đ. Nợ lãi của món vay 30.000.000đ tính đến ngày 18/12/2016 vẫn còn là 5.166.700đ. Nội dung của bốn biên lai do bị đơn cung cấp cũng phù hợp với nội dung trên thể theo dõi giao dịch tiền vay do nguyên đơn cung cấp. Đối với món vay 8.000.000đ, thể theo dõi thể hiện bên vay đã 10 lần trả nợ lãi, trong đó lần trả cuối là ngày 26/12/2016 với số tiền nộp là 504.720đ. Đối với món vay 30.000.000đ, thể theo dõi thể hiện bên vay đã 10 lần trả lãi, trong đó tháng 12 năm 2016 chưa trả được tiền lãi; đến ngày 18/02/2017 mới trả thêm được một phần lãi với số tiền là 500.000đ. Như vậy, ý kiến của ông B, bà N

cho rằng đến tháng 12/2016 đã trả hết tiền nợ lãi là không có căn cứ. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì về mức lãi suất trong hạn là 0,9%/tháng, lãi suất quá hạn là 1,17%/tháng do Ngân hàng CS áp dụng. Tại phiên tòa, bị đơn đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thừa nhận đến ngày mở phiên tòa thì số tiền lãi chưa trả của cả hai món vay là 7.097.180đ như nguyên đơn yêu cầu là đúng. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu trả tiền nợ lãi của nguyên đơn.

Do đó, cần buộc ông Lý Văn B phải trả toàn bộ số nợ gốc là 38.000.000đ và tiền nợ lãi tính đến ngày mở phiên tòa 31/5/2017 là 7.097.180đ. Tổng số tiền ông B phải trả cho Ngân hàng CS là 45.097.180đ (bốn mươi lăm triệu không trăm chín mươi bảy nghìn một trăm tám mươi đồng).

Đối với nghĩa vụ chậm thi hành án tiền vay do tổ chức tín dụng cho vay, áp dụng Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao để tính tiền lãi chậm trả.

Về nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị N, xét thấy ông Lý Văn B thực hiện giao dịch vay tài sản (tiền) của Ngân hàng CS nhằm phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình (nuôi trâu sinh sản, xây dựng công trình nước sạch, công trình vệ sinh). Căn cứ vào Điều 25 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì bà N có nghĩa vụ liên đới cùng ông B trả khoản tiền nợ gốc và nợ lãi cho nguyên đơn.

[3]. Về án phí: Đây là vụ án tranh chấp dân sự có giá ngạch và bị đơn thuộc trường hợp phải nộp án phí. Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, ông Lý Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 298, Điều 471, Điều 474, Điều 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 25 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Án lệ số 08/2016/AL.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng CS.

Buộc ông Lý Văn B phải trả cho Ngân hàng CS thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng CS huyện C, tỉnh Bắc Kạn số tiền nợ gốc là 38.000.000đ (ba mươi tám triệu đồng) và tiền nợ lãi là 7.097.180đ (bảy triệu không trăm chín mươi bảy nghìn

một trăm tám mươi đồng). Tổng số tiền ông B phải trả cho Ngân hàng CS là 45.097.180đ (bốn mươi lăm triệu không trăm chín mươi bảy nghìn một trăm tám mươi đồng).

Buộc Bà Hoàng Thị N phải liên đới cùng ông Lý Văn B trả số tiền nợ gốc và nợ lãi trên cho Ngân hàng CS.

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14: Ông Lý Văn B phải chịu 2.254.859đ (hai triệu hai trăm năm mươi tư nghìn tám trăm năm mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự."

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhân:

- VKSND H. Chợ Đồn;
- TAND T. Bắc Kạn;
- Các đương sự;
- THADS H. Chợ Đồn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Doanh